

Số: 19 /2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1638/TTr-STNMT ngày 24/4/2017 về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 111/BC-STP ngày 24/4/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới

đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Cơ quan thu phí

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trong hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức thu phí

1. Thẩm định đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đối với đề án thiết kế giếng, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: mức thu 400.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

b) Đối với đề án thăm dò, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: mức thu 770.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

c) Đối với đề án thăm dò, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: mức thu 1.820.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

d) Đối với đề án thăm dò, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: mức thu 3.500.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

2. Thẩm định đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:

a) Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: mức thu 400.000 đồng/1 báo cáo.

b) Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: mức thu 980.000 đồng/1 báo cáo.

c) Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: mức thu 2.380.000 đồng/1 báo cáo.

d) Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: mức thu 4.200.000 đồng/1 báo cáo.

3. Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh: áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 3. kê khai, thu, nộp và quản lý phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Cơ quan thu phí chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức thu, nộp phí theo quy định. Khi thu phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành.

b) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

c) Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức thu phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước và công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, pNNTN(LeSang162);



Trần Ngọc Căng